

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	6.303.449.633	6.082.573.743
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế	5.696.673	86.520.100
Trừ: Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế (i)	(1.275.463.203)	(1.907.266.690)
Thu nhập tính thuế	5.033.683.103	4.261.827.153
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.006.736.621	852.365.431
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.006.736.621	852.365.431

Ghi chú:

- (i) Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế là khoản cổ tức Công ty được nhận trong năm.

Trong kỳ, Công ty đã xác định các khoản chi phí không hợp lý như đã trình bày ở trên khi xác định thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.296.713.012	5.230.208.312
<i>Điều chỉnh</i>		
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.745.859.364)	(2.373.633.119)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.550.853.648	2.856.575.193
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	11.168.676	11.168.676
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	228	256

Số liệu quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước đã được điều chỉnh phù hợp với Quyết định trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 dựa theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2019 của Công ty.

Số liệu quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay là số tạm tính theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Quyết định trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định chính thức.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cấp nước và lĩnh vực xây lắp, lắp đặt các công trình phục vụ cho hoạt động cấp nước. Doanh thu từ lĩnh vực xây lắp, lắp đặt chiếm tỷ trọng nhỏ, do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	52.218.539.953	52.780.691.084
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>24.520.574.525</u>	<u>11.200.540.192</u>
Nợ thuần	27.697.965.428	41.580.150.892
Vốn chủ sở hữu	<u>118.487.175.169</u>	<u>118.159.160.053</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>23,38%</u>	<u>35,19%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.520.574.525	11.200.540.192
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.124.282.207	23.452.062.221
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
Tổng cộng	<u>60.194.856.732</u>	<u>54.202.602.413</u>

Công nợ tài chính

Các khoản vay	52.218.539.953	52.780.691.084
Phải trả người bán và phải trả khác	9.642.877.603	10.117.238.644
Tổng cộng	<u>62.041.417.556</u>	<u>63.092.929.728</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Các khoản vay của Công ty là các khoản vốn vay ODA với lãi suất ưu đãi. Công ty đánh giá rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này ở mức thấp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.520.574.525	-	-	24.520.574.525
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.317.974.548	-	-	16.317.974.548
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	550.000.000	550.000.000
Tổng cộng	40.838.549.073	-	550.000.000	41.388.549.073
Tại ngày 31/12/2019				
Các khoản vay	10.172.875.496	42.045.664.457	-	52.218.539.953
Phải trả người bán và phải trả khác	9.642.877.603	189.791.839.214	-	199.434.716.817
Chi phí phải trả	180.000.000	-	-	180.000.000
Tổng cộng	19.995.753.099	231.837.503.671	-	251.833.256.770
Chênh lệch thanh khoản thuần	20.842.795.974	(231.837.503.671)	550.000.000	(210.444.707.697)
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.200.540.192	-	-	11.200.540.192
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.622.048.248	-	-	23.622.048.248
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	550.000.000	550.000.000
Tổng cộng	37.822.588.440	-	550.000.000	38.372.588.440
Tại ngày 01/01/2019				
Các khoản vay	8.475.663.426	37.829.879.464	6.475.148.195	52.780.691.084
Phải trả người bán và phải trả khác	10.117.238.644	32.635.511.775	-	42.752.750.419
Chi phí phải trả	195.000.000	-	-	195.000.000
Tổng cộng	18.787.902.070	70.465.391.239	6.475.148.195	95.728.441.503
Chênh lệch thanh khoản thuần	19.034.686.370	(70.465.391.239)	(5.925.148.195)	(57.355.853.063)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin rằng Công ty có thể tạo được luồng tiền phù hợp để thanh toán các nghĩa vụ nợ khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các số dư với bên liên quan tại thuyết minh số 15 và 17 Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng cấp thoát nước	3.084.888.222	5.965.621.494
Công ty CP Đầu tư Xây dựng cấp nước Vinh Phúc	39.226.635.430	38.162.613.818
Cổ tức được nhận		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng cấp thoát nước	40.555.600	22.284.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng cấp nước Vinh Phúc	1.230.552.373	1.884.982.690
Chia cổ tức		
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vinh Phúc	2.403.639.988	2.538.245.091

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.179.930.200	1.131.735.100
	1.179.930.200	1.131.735.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản trong năm không bao gồm 2.446.437.903 VND, là số tiền kết chuyển từ hàng tồn kho vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm, vì vậy một khoản tiền tương ứng cũng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm hàng tồn kho.

34. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 01/NQ-HDQT về việc bổ nhiệm bà Lê Thị Kim Thanh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 16/01/2020.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.



Đỗ Thanh Hải
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 3 năm 2020


Bùi Thị Thúy Ngọc
Kế toán trưởng


Nguyễn Mạnh Cường
Người lập biểu